TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 855/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
  Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Văn Đức
  Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Bà Phan Thị Thúy Ngọc
  2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa
- Thư ký phiên tòa: Cô Nguyễn Thị Mai Phương -Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 127/2018/QĐST- HNGĐ ngày 17/8/2018, giữa;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979.
Địa chỉ: đường B, Phường A, quận T, TP. HCM.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường B, Phường A, quận T, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bà M trình bày:

Bà và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 03, quyển số 1 do UBND xã P, huyện C, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 06/01/1997.

Ông bà sống được với nhau thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2012 đến nay ông H không lo lắng quan tâm đến kinh tế gia đình, gây ra nhiều nợ nần. Vợ chồng thường xuyên cãi vã trong gia đình, mâu thuẫn nhiều trong lối sống sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm sống. Ông bà có sống ly thân, từ tháng 9 năm 2017. Hiện nay ông bà sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm lẫn nhau. Nay mỗi người có sinh hoạt riêng, cuộc sống riêng. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt được như mong muốn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên bà xin ly hôn ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Tiến D sinh ngày 10/10/1999 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/7/2004. Trong đó D đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con tên Đ, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà M khai không có.

Về nợ chung: Bà M khai không có.

Bị đơn:

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập ông H đến tòa án trình bày ý kiến trong vụ án xin ly hôn của bà M; nhưng ông H vắng mặt không lý do;

Tòa án tiếp tục hai lần niêm yết tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do.

Tòa án tiếp tục niêm yết tống đạt hợp lệ giấy triệu tập ông H tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 17 tháng 8 năm 2018, ông H vẫn vắng mặt không lý do.

Ông Nguyễn Kim H đã được Tòa án tống đạt niêm yết giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu được ly hôn với ông H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Bị đơn: Đã được Tòa án tống đạt niêm yết giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không rõ ý kiến và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 1 do UBND xã P, huyện C, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 06/01/1997 thì quan hệ giữa bà M với ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà M xin ly hôn, xét đơn xin ly hôn của bà M là phù hợp với khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn và có tranh chấp về con chung với ông Nguyễn Kim H, nên bà M tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là hợp lệ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim H là người bà M xin ly hôn, nên ông H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là hợp lệ.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Bà M xin ly hôn với ông H, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung khai bà không có.

Ông H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tham gia tố tụng trong vụ án xin ly hôn của bà M nhưng ông H không đến Tòa án.

Đây là nội dung cần xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn với ông H;

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Tiến D sinh ngày 10/10/1999 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/7/2004. Trong đó D đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con tên Đ, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và dành quyền kháng cáo cho ông H theo luật định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Những mâu thuẫn vợ chồng, những lý do bà M đưa ra để xin ly hôn dẫu rằng không có thật nhưng; tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không thể xây dựng, vun đắp chỉ từ một bên mà phải từ sự đồng cảm, đồng lòng, từ sự chung thủy, hy sinh bản thân cùng sự ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc của cả hai người. Nay bà M xin ly hôn, ông H đã nhận được thông báo thụ lý về việc bà M xin ly hôn với ông, Tòa án triệu tập ông đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu; Tòa án triệu tập ông đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàng gắn hạnh phúc vợ chồng; Tòa án tiếp tục niêm yết tống đạt hợp lệ giấy triệu tập ông H tham gia phiên tòa xét xử vụ án hai lần. Tất cả những lần triệu tập ông H mà Tòa án đã liệt kê bên trên nhằm mục đích để ông H trình bày ý kiến và nguyện vọng, để tạo điều kiện có cơ hội hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng những lần triệu tập đó ông H đều vắng mặt không lý do, điều này Hội đồng xét xử có thể hiểu rằng ông H không còn có ý mong muốn có cuộc sống hạnh phúc gia đình, không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với bà M, do vậy Hội đồng xét xử xét nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà M ly hôn với ông H là giải pháp thỏa đáng.

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Tiến D sinh ngày 10/10/1999 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/7/2004. Trong đó D đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con tên Đ, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung; điều này phù hợp với nguyện vọng của con đã trình bày trong bản tự khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình ngày 20/7/2018, nên Hội đồng xét xử xét nghĩ nên chấp nhận

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: bà M phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án; và căn cứ mục 1 phần I, Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghi quyết ghi trên;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và căn cứ mục 1.1 phần 1, mục II, Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết ghi trên.

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Nguyễn Kim H; bà M được ly hôn với ông H. (bà M và ông H đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 1 do UBND xã P, huyện C, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 06/01/1997).

2, Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Tiến D sinh ngày 10/10/1999 đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/7/2004, sau ly hôn bà M được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn phần cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà M chưa yêu cầu.

- Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị M phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng là tạm ứng án phí do bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007852 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí, bà M nộp đủ án phí.

Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị bản án theo điều 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh ;
- VKSND Q. Tân Bình ;
- THA DS Q. Tân Bình ;
- UBND xã P,
H.Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Đức